TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/5/2019
(V/v hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông **Bùi Văn Tân**

*** Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông **Trần Xuân Hòa**

2/ Bà **Đặng Thị Thêm**

***/ Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Khoái Châu.

***/ Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:** Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/HNGĐ-QĐXX ngày 12/4/2019, Thông báo thay đổi lịch xét xử số 03/2019/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982** (có mặt tại phiên tòa).

HKTT: thôn V, xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Hiện trú tại: thôn Đ, xã D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Ông Nguyễn Đức Ă, sinh năm 1953 - Luật sư Văn phòng Luật sư Thanh bằng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hưng Yên (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1981** (vắng mặt tại phiên tòa).

HKTT, trú tại: thôn V, xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Trần Thị T trình bày tại Toà án như sau:

Chị Trần Thị T kết hôn với anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1981, là người ở xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Hôn nhân giữa chị T và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 12/3/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T chung sống với nhau tại xóm 7, thôn V, xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chị có cuộc sống hạnh phúc nhưng sau vài năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi đánh đập, chửi bới chị rất thậm tệ, chị không dám nói gì với ai vì sợ bố mẹ chị biết được thì sẽ rất đau lòng. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn để chung sống với anh Q nhưng nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng khiến chị không thể tiếp tục chịu đựng được và phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị từ tháng 8/2018 cho đến nay. Kể từ thời gian đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn, không thể đoàn tụ chung sống với anh Q được nữa nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị T không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông ngiệp và công sức đóng góp của vợ chồng với hai bên gia đình: Chị T khẳng định vợ chồng chị không có tài sản chung, không có công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp không có gì liên quan; bản thân chị không có công sức gì đóng góp, xây dựng đối với hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Q đến Tòa án tham gia phiên họp xem xét, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 25/4/2019, anh Q có mặt tại Tòa án và có quan điểm như sau:

Về thời gian và hoàn cảnh kết hôn, anh Q có quan điểm giống như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Q chung sống với nhau tại xóm 7, thôn V, xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì xảy ra nhưng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh Q và chị T đã sống ly thân nhau kể từ tết âm lịch năm 2019. Kể từ khi hai bên sống ly thân nhau, hai bên không liên lạc gì đến nhau nữa. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh cũng xác định không níu kéo chị T quay lại đoàn tụ. Tuy nhiên, anh cần có thời gian để giải quyết việc gia

đình giữa gia đình anh và gia đình chị T nên anh đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết việc ly hôn của anh, chị trong thời gian một tháng, nếu hết một tháng anh không có mặt tại Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh Q khẳng định vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Anh Q khẳng định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có công nợ chung và không có gì liên quan về đất ruộng nông nghiệp.

Về công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Anh Q khẳng định không có công sức gì đóng góp đối với hai bên gia đình nên không yêu cầu.

Ngoài nội dung trên, anh Q không trình bày và không có yêu cầu gì khác.

Sau khi trình bày quan điểm tại Tòa án, anh Q đã tự đọc lại lời khai và khẳng định lời khai đã trình bày được ghi trong biên bản lấy lời khai là đúng. Tuy nhiên, anh Q đã bỏ về và không ký vào biên bản lấy lời khai đó. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã lập biên bản sự việc này để làm bằng chứng.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn - chị Trần Thị T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Hoàng Văn Q. Chị T khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: Chị T khẳng định vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất ruộng nông nghiệp 03 và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị T khẳng định vợ chồng chị không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q vì mâu thuẫn vợ chồng chị T đã trở nên trầm trọng, hai bên sống ly thân nhau đã lâu và không còn khả năng đoàn tụ chung sống với nhau được nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đã xác định chính xác mối quan hệ có tranh chấp, ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của các chủ thể để đưa họ vào tham gia tố tụng. Việc cấp, tống đạt các quyết định đến các đương sự đảm bảo đúng thời hạn. Toà án thực hiện việc chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về nguyên tắc xét xử, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng và không thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định tại Điều 53, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật vì nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh Q đã trở nên trầm trọng, hai bên sống ly thân nhau đã lâu và không còn quan tâm gì đến nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q. Về con chung, tài sản chung, công nợ ruộng đất nông nghiệp 03 của chị T, anh Q không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này vì chị T và anh Q khẳng định không có gì liên quan. Ngoài ra, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên toà ngày hôn nay cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã làm thủ tục niêm yết văn bản tố theo quy định nên vụ án được xét xử đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn Q kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T vào ngày 12/3/2003 nên đã xác lập về quan hệ vợ chồng và được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị T, lời khai của người làm chứng cùng kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã T đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị T đã trở nên trầm trọng, hai bên đã sống ly thân nhau từ lâu và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mặc dù chị T, anh Q đã được gia đình và người thân động viên, khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng chị vẫn không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho chị T và anh Q đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh Q không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, ngày 25/4/2019, anh Q có mặt tại Tòa án và khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh không muốn níu kéo chị T trở về chung sống nữa.

Từ những căn cứ nêu trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T và anh Q chưa có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị T và anh Q khẳng định vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không có công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp không có gì liên quan, cả hai

bên đều không có công sức gì đóng góp, xây dựng đối với hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Các Điều 51; 56, 57; 58 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227 - Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0001044 ngày 26/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu (chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

- ***Về quyền kháng cáo****:* Án xét xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- *VKSND cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS K/C;*
- *UBND xã T;*
- *Phòng KTNV-THA;*
- *Lưu hồ sơ.*

Bùi Văn Tân